

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI VÀ GIÁO DỤC VIET TOP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI VÀ GIÁO DỤC VIET TOP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET TOP TRADE PROMOTION AND EDUCATION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIET TOP .,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108754348

**3. Ngày thành lập:** 24/05/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 143B Ngõ 180 Phố Nguyễn Lương Bằng, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0964205665

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1811     |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4632     |
| 3.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu | 4649     |
| 4.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4711     |
| 5.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4722     |
| 6.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống không cồn                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4781     |
| 7.  | Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4783     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;<br>Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác; Hoạt động của cáp treo, đường sắt trong phạm vi sân bay, đường sắt leo núi; Hoạt động quản lý điều hành vận tải hành khách.<br>(Căn cứ : Điều 64, 67 Luật Giao Thông Đường bộ năm 2008; Điều 13, 15, 18 Nghị định 86/2014/ NĐ-CP; Điều 21 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018) | 4932 |
| 9.  | Vận tải hành khách ven biển và viễn dương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5011 |
| 10. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>(Căn cứ: Điều 64 Luật Du lịch 2005; Nghị định số 92/2007/NĐ-CP; Nghị định số 96/2016/NĐ-CP)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5510 |
| 11. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Khắc phục sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 6209 |
| 12. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7211 |
| 13. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7212 |
| 14. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7213 |
| 15. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7214 |
| 16. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7221 |
| 17. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7222 |
| 18. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu như: Hoạt động của các tác giả sách khoa học và công nghệ; Tư vấn về công nghệ khác.                                                                                                                                                                                                                                                | 7490 |
| 19. | Đại lý du lịch<br>(Căn cứ: Điều 44, 53 Luật Du lịch 2005)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7911 |
| 20. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7912 |
| 21. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7990 |
| 22. | Giáo dục thể thao và giải trí<br>(Căn cứ : Điều 53, 54 Nghị định 46/2017/NĐ-CP)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8551 |
| 23. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8552 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 24. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Các dịch vụ dạy kèm ( gia sư); Giáo dục dự bị; Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Dạy đọc nhanh; Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe; Đào tạo về sự sống; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; Dạy máy tính. | 8559        |
| 25. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8560(Chính) |
| 26. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8230        |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 300.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                           | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGÔ THỊ DUYÊN      | Phòng 301, tầng 3, Tập thể Công ty Cung ứng Vận tải, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 138.000    | 1.380.000.000         | 46,000    | 013536379                                                                                   |         |
|     |                    |                                                                                                                | Tổng số           | 138.000    | 1.380.000.000         | 46,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                                |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ HOẠT    | Thôn Kim Đôi, Xã Cẩm Hoàng, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam                                          | Cổ phần phổ thông | 9.000      | 90.000.000            | 3,000     | 142672993                                                                                   |         |
|     |                    |                                                                                                                | Tổng số           | 9.000      | 90.000.000            | 3,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                                |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGÔ THỊ HẠNH DUYÊN | Thôn Xuân Dục, Xã Yên Thường, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                        | Cổ phần phổ thông | 153.000    | 1.530.000.000         | 51,000    | 013556253                                                                                   |         |
|     |                    |                                                                                                                | Tổng số           | 153.000    | 1.530.000.000         | 51,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                                |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGÔ THỊ HẠNH DUYÊN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 07/04/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 013556253

Ngày cấp: 22/05/2012

Nơi cấp: Công an Thành Phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Xuân Dục, Xã Yên Thường, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Xuân Dục, Xã Yên Thường, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội